ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2026 – 2027
MÔN: LỊCH SỬ, KHỐI 12

PHẦN I. CÂU HỎI NHIỀU LỰA CHỌN

Bài 1.

Câu 1. Khi CTTG thứ hai đang diễn ra, các nước Đồng minh chống phát xít mong muốn
A. thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình, an ninh thế giới.
B. hợp tác giữa các nước nhằm khắc phục hậu quả sau chiến tranh.
C. thiết lập một trật tự thế giới đa cực, nhiều trung tâm.
D. thành lập toà án quốc tế để xét xử tội phạm chiến tranh.

Câu 2. Các quốc gia trên thế giới tổ chức hội nghị thành lập Liên hợp quốc khi
A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. **B.** Chiến tranh thế giới thứ hai chưa diễn ra.
C. Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc. **D.** Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc.

Câu 3. Năm 1945, Hiến chương Liên Hợp quốc thông qua tại đâu ?
A. Xan phranxixcô (Mĩ). **B.** Luân Đôn (Anh). **C.** Rô-ma (Italia). **D.** Pa-ri (Pháp).

Câu 4. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với ngày 24-10-1945?
A. Mĩ và Liên Xô phê chuẩn bản Hiến chương Liên hợp quốc.
B. Liên hợp quốc chính thức được thành lập.
C. Hội nghị Xan Phranxixcô (Mĩ) thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
D. Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an thông qua bản Hiến chương.

Câu 5. Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, mục tiêu nào được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác?
A. Duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.
B. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị các dân tộc.
C. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo.
D. Liên hợp quốc đóng vai trò là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây không phải là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?
A. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
B. Từ bỏ đe doạ bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
C. Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội.
D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 7. Ngày 1- 1- 1942, đại diện 26 nước chống phát xít đã
A. thành lập Liên hợp quốc.
B. họp hội nghị Tê-hê-ran.
C. thoả thuận một số điểm cơ bản về cơ cấu Liên hợp quốc.
D. kí bản Tuyên bố về Liên hợp quốc.

Câu 8. Năm 1947, Đại hội đồng Liên hợp quốc lấy ngày 24 tháng 10 hằng năm làm
A. "Ngày Liên hợp quốc". **B.** "Ngày Hòa bình thế giới".
C. "Ngày chống phát xít". **D.** "Ngày Bảo vệ môi trường".

Câu 9. Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là
A. Bình đẳng về chủ quyền quốc gia.
B. Hợp tác phát triển có hiệu quả về kinh tế, văn hóa, xã hội.
C. Chung sống hòa bình, vừa hợp tác vừa đấu tranh.
D. Tiến hành hợp tác quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

Câu 10. Nguyên tắc "Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình" của Liên hợp quốc được Việt Nam vận dụng để giải quyết vấn đề nào hiện nay?

A. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

B. Phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

C. Bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, hải đảo và toàn vẹn lãnh thổ.

D. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Câu 11. Mục tiêu phát triển Thiên niên kỉ của Liên hợp quốc đã được Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỉ (9-2000) thông qua, không bao gồm:

A. Xoá đói giảm nghèo. **B.** Thực hiện bình đẳng giới.

C. Đảm bảo bền vững về môi trường. **D.** Hạn chế vũ khí hạt nhân.

Câu 12. Trụ sở chính của tổ chức Liên hợp quốc đặt tại

A. Niu Ooc (Mỹ). **B.** Pari (Pháp). **C.** Luân Đôn (Anh). **D.** La hay (Hà Lan).

Câu 13. "Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới" là mục tiêu của tổ chức

A. Liên hợp quốc. **B.** Liên minh Châu Âu (EU).

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). **D.** Diễn đàn hợp tác Á- Âu (ASEM).

Câu 14. Cơ quan chuyên môn nào của Liên hợp quốc đóng góp trong việc giúp Việt Nam bảo toàn di sản văn hoá?

A. UNICEP. **B.** UNESCO. **C.** FAO. **D.** WHO.

Câu 15. Cơ quan nào của Liên hợp quốc có vai trò trọng yếu trong việc duy trì hòa bình, an ninh thế giới?

A. Tòa án Quốc tế. **B.** Hội đồng Bảo an. **C.** Đại hội đồng. **D.** Ban Thư kí.

Bài 2.

Câu 1. Hội nghị Ianta diễn ra trong bối cảnh

A. Chiến tranh thế giới thứ hai chưa diễn ra.

B. Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra quyết liệt.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc.

D. Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc.

Câu 2. Từ ngày 4 - 12/2/1945, trên thế giới đã diễn ra sự kiện

A. Hội nghị Véc-xay. **B.** Hội nghị Pôx-đam.

C. Hội nghị Xanphơranxco. **D.** Hội nghị Ianta.

Câu 3. Thành phần tham dự Hội nghị Ianta(2/1945)

A. Xta-lin, Ru-dơ-ven, Sóc-sin. **B.** Ru-dơ-ven, Na-va, Xta-lin.

C. Xtalin, Tơ-ru-man, Bi-đôn . **D.** Sóc-sin, Xtalin, Ai-xen-hao.

Câu 4. Nước nào sau đây không có mặt ở Hội nghị cấp cao Ianta(2/1945)?

A. Anh. **B.** Mĩ. **C.** Pháp. **D.** Liên Xô.

Câu 5. Ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh quyết định thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc tại

A. Hội nghị Ianta(Liên Xô). **B.** Hội nghị Pôx-đam(Đức).

C. Hội nghị Xanphơrănxcô(Mỹ) . **D.** Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Câu 6. Theo quy định của Hội nghị Ianta(2/1945), quân đội Liên Xô chiếm đóng

A. Tây Đức, Tây Béclin và các nước Tây Âu. **B.** Đông Đức, Đông Béclin và các nước Đông Âu.

C. Nhật Bản, Triều Tiên, các nước Đông Nam Á. **D.** Trung Quốc, Đông Nam Á, Tây Âu.

Câu 7. Hội nghị Ianta chấp nhận một trong những điều kiện gì để Liên Xô tham chiến chống Nhật?

A. Duy trì nguyên trạng và công nhận độc lập của Mông Cổ.

B. Liên Xô chiếm đóng vùng Đông Đức, Đông Béc-lin, các nước Đông Âu.

C. Trung Quốc, Bắc Triều Tiên do quân đội Liên Xô chiếm đóng.

D. Quân đội Liên Xô và Mỹ Trung Quốc đều có quyền lợi ở Trung Quốc.

Câu 8. Theo nội dung của Hội nghị Ianta(2/1945), trả lại cho Trung Quốc vùng:

A. Thượng Hải, Quảng Châu, Đài Loan. **B.** Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ.

C. Đài Loan, Bành Hồ và Hồng Công. **D.** Mãn Châu, Thượng Hải và Hồng Công.

Câu 9. Theo nội dung của Hội nghị Ianta(2/1945), các vùng còn lại ở Châu Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước

A. Phương Tây. **B.** Anh. **C.** Mỹ. **D.** Liên Xô.

Câu 10. Những quyết định của Hội nghị Ianta trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới

A. Trật tự Vécxay- Oasinhtơn. **B.** Trật tự đa cực.

C. Trật tự đơn cực. **D.** Trật tự 2 cực Ianta.

Câu 11. Giai đoạn từ năm 1945 – đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX là

A. giai đoạn hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực Ianta.

B. giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực Ianta.

C. giai đoạn phát triển hoàng kim của Trật tự thế giới hai cực Ianta.

D. giai đoạn suy yếu và sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Ianta.

Câu 12. Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX – đến năm 1991 là

A. giai đoạn hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực Ianta.

B. giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực Ianta.

C. giai đoạn phát triển hoàng kim của Trật tự thế giới hai cực Ianta.

D. giai đoạn suy yếu và sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Ianta.

Câu 13. Sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực Ianta đã tác động nhiều mặt đến tình hình thế giới, đâu không phải là tác động đó?

A. mở ra thời kỳ phát triển mới trong quan hệ quốc tế.

B. làm so sánh lực lượng với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ.

C. dẫn tới sự kết thúc chiến tranh lạnh và sự hình thành một trật tự thế giới mới.

D. Mỹ vươn lên thế "một cực", chi phối, lãnh đạo thế giới.

Câu 14. Hội nghị I-an-ta (2-1945) đã thông qua quyết định nào?

A. Phân chia nước Đức thành bốn khu vực chiếm đóng của Đồng minh.

B. Phân công quân đội Đồng minh giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.

C. Thành lập tổ chức Hội quốc liên để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

D. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu, Á giữa các nước Đồng minh.

Câu 15. Nhận xét nào là đúng về việc thỏa thuận đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa ba cường quốc trong Hội nghị I-an-ta (2-1945)?

A. Thực hiện việc tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa thực dân.

B. Thực chất là phân chia quyền lợi giữa Mỹ và Liên Xô.

C. Nhanh chóng triệt tiêu sức mạnh của các nước tư bản.

D. Tạo điều kiện để tái vũ trang cho Đức chống Liên Xô.

Bài 3.

Câu 1. Xu thế chủ đạo trong quan hệ giữa các cường quốc sau Chiến tranh lạnh là

A. đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.

B. tôn trọng vai trò, nhiệm vụ của Liên hợp quốc.

C. hợp tác, không cạnh tranh, không mâu thuẫn.

D. hòa bình, không xung đột, tiến hành hợp tác.

Câu 2. Nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế hiện nay là về lĩnh vực

A. an ninh. **B.** kinh tế. **C.** văn hóa. **D.** chính trị.

Câu 3. "Lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm" được xem là nội dung chiến lược chủ yếu của các nước trong thời kỳ

A. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. **B.** sau khi cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc.

C. chủ nghĩa xã hội thành hệ thống thế giới. **D.** ngay sau khi Chiến tranh lạnh bắt đầu.

Câu 4. Xu thế Toàn cầu hóa là hệ quả của

A. cuộc cách mạng khoa học công nghệ. **B.** chiến tranh lạnh, trật tự hai cực I-an-ta.

C. cách mạng công nghiệp thế kỷ XVII. **D.** cuộc khủng hoảng năng lượng (1973).

Câu 5. Một trong những biểu hiện của xu thế Toàn cầu hóa là

A. sự gia tăng của thương mại thế giới. **B.** mâu thuẫn giữa hai siêu cường Xô, Mỹ.

C. xu thế hoà hoãn Đông, Tây thế kỷ XX. **D.** thế giới đã chia thành hai cực, hai phe.

Câu 6. Một trong những biểu tượng cho sự kết thúc Chiến tranh lạnh là

A. Liên Xô chính thức sup đổ (1991). **B.** bức tường Béc-lin sup đổ (11/1989).

C. chiến tranh Việt Nam kết thúc (1975). **D.** vấn đề Nam Xu-đăng được giải quyết.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là nhân tố chủ yếu để tạo nên sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia hiện nay?

A. Đa dân tộc, ngôn ngữ. **B.** Dân số trẻ và đông đảo.

C. Nền tài chính vững chắc. **D.** Nền văn hóa truyền thống.

Câu 8. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia (từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX) là biểu hiện của

A. xu thế khu vực hóa. **B.** cách mạng khoa học.

C. trật thế giới "đa cực". **D.** xu thế Toàn cầu hóa.

Câu 9. Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế Toàn cầu hóa?

A. Phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

B. Phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

C. Hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

D. Sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

Câu 10. Từ sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm vì

A. hòa bình và an ninh thế giới được bảo vệ ở mức cao nhất.

B. kinh tế trở thành nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế.

C. giữa các cường quốc đã chấm dứt việc chạy đua vũ trang.

D. sức mạnh quốc gia không dựa trên lực lượng quốc phòng.

Câu 11. Biểu hiện nào của xu thế Toàn cầu hóa làm cho nền kinh tế của các nước trên thế giới có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau?

A. Sự phát triển và những tác động của các công ty xuyên quốc gia.

B. Sự sát nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

C. Các tổ chức liên kết kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ra đời.

D. Sự phát triển nhanh chóng của mối quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 12. Khẳng định Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, một thực tế không thể đảo ngược, vì

A. đó là hệ quả tất yếu của xu thế hòa hoãn Đông - Tây.

B. nó phản ánh quy luật cạnh tranh của thị trường quốc tế.

C. là kết quả của việc thống nhất thị trường giữa các nước.

D. hệ quả tất yếu của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ.

Câu 13. Các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực có vai trò

A. là cầu nối giữa các quốc gia, đã thúc đẩy kinh tế phát triển.

B. giải quyết các vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.

C. hỗ trợ, giúp đỡ kinh tế, tài chính để các nước nghèo phát triển.

D. thúc đẩy nền kinh tế khu vực và thế giới phát triển vững chắc.

Câu 14. Một trong những mặt tiêu cực của xu thế Toàn cầu hóa là

A. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc.

B. hạn chế sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế.

C. kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

D. hạn chế sự tăng trưởng nhanh về mặt kinh tế.

Câu 15. Nguyên nhân của những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài ở nhiều khu vực trên thế giới hiện nay là

A. do mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ.

B. cạnh tranh kinh tế, giành giật thị trường giữa các quốc gia.

C. sự xuất hiện, trỗi dậy của chủ nghĩa ly khai và khủng bố.

D. tham vọng bá chủ thế giới của Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh.

Bài 4.

Câu 1. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN (1967) gồm:

A. Inđônêxia, Malaixia, Philippin, Singapo và Thái Lan.

B. Philippin, Xingapo, Malaixia, Inđônêxia và Mianma.

C. Xingapo, Mianma, Thái Lan, Brunây và Inđônêxia.

D. Việt Nam, Lào, Malaixia, Inđônêxia và Brunây.

Câu 2. Điều kiện tiên quyết đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN (1967) là các quốc gia thành viên đều:

A. Giành được độc lập. **B.** Có nền kinh tế phát triển.

C. Có chế độ chính trị tương đồng. **D.** Có nền văn hóa dân tộc đặc sắc.

Câu 3. Một trong những mục tiêu quan trọng của tổ chức ASEAN (1967) là:

A. Xóa bỏ áp bức bóc lột và nghèo nàn lạc hậu.

B. Xây dựng khối liên minh kinh tế và quân sự.

C. Xây dựng khối liên minh chính trị và quân sự.

D. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế và văn hóa.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây về Hiệp ước Bali (1976) của tổ chức ASEAN là không đúng?

A. Mở ra thời kì mới của tổ chức ASEAN.

B. Chấm dứt hoàn toàn sự mâu thuẫn giữa các nước trong khu vực.

C. Xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

D. Củng cố và tăng cường quan hệ giữa các nước.

Câu 5. Quá trình phát triển thành viên của ASEAN từ 5 nước ban đầu lên 10 nước không gặp phải trở ngại nào sau đây?

A. Sự đối đầu giữa ASEAN với các nước Đông Dương.

B. Sự tác động của Chiến tranh lạnh.

C. Sự khác nhau về thể chế chính trị giữa các nước.

D. Thời gian giành độc lập của các nước không giống nhau.

Câu 6. Từ những năm 90 của thế kỉ XX, "một chương mới mở ra trong lịch sử Đông Nam Á" vì:

A. Vấn đề Campuchia được giải quyết bằng Hiệp định Pari (10/1993).

B. ASEAN từ 5 nước ban đầu đã phát triển thành 10 nước thành viên.

C. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương và ASEAN được cải thiện tích cực.

D. Các nước đã kí Hiến chương ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.

Câu 7. Ý nào dưới đây không phù hợp khi giải thích về: Quá trình mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN được đẩy mạnh từ đầu những năm 90 thế kỉ XX?

A. Chống lại sự hình thành trật tự "đa cực" nhiều trung tâm sau Chiến tranh lạnh.

B. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với ASEAN đã được cải thiện tích cực.

C. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

D. Thực hiện hợp tác phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của Hiệp ước Bali.

Câu 8. Quá trình mở rộng thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) diễn ra lâu dài và đầy trở ngại vì

A. thời gian giành độc lập của các nước không đều.

B. khả năng quốc phòng của các nước yếu kém.

C. nền kinh tế của các nước có nhiều cách biệt.

D. các nước không có nhu cầu liên kết khu vực.

Câu 9. Điểm khác biệt về nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) so với Liên hợp quốc là gì?

A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực với nhau.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Câu 10. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) là một tổ chức hợp tác trên lĩnh vực

A. kinh tế - chính trị. **B.** quân sự - chính trị. **C.** kinh tế - quân sự. **D.** kinh tế - văn hóa.

Câu 11. Từ những năm 90 (TK XX) đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang

A. hợp tác du lịch. **B.** hợp tác kinh tế. **C.** hợp tác quân sự. **D.** hợp tác giáo dục.

Câu 12. Tính đến thời điểm hiện nay thì nước nào thuộc khu vực Đông Nam Á chưa là thành viên của tổ chức ASEAN?

A. Bru-nây. **B.** Mi-an-ma. **C.** Phi-líp-pin. **D.** Đông Ti-mo.

Câu 13. Theo hiến chương thành lập tổ chức ASEAN thì mục tiêu của tổ chức này là

A. phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự nỗ lực hợp tác giữa các nước thành viên.

B. phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự đóng góp giữa các nước thành viên.

C. phát triển kinh tế và văn hoá dựa vào sức mạnh quân sự giữa các nước thành viên.

D. phát triển kinh tế và văn hoá dựa trên sự ảnh hưởng giữa các nước thành viên.

Câu 14. Tháng 11/2007, các thành viên tổ chức ASEAN đã kí bản "Hiến chương ASEAN" nhằm

A. xây dựng ASEAN thành cộng đồng hòa bình, ổn định.

B. xây dựng ASEAN thành cộng đồng vững mạnh.

C. xây dựng ASEAN thành cộng đồng chiến lược về chính trị, quân sự.

D. xây dựng ASEAN thành cộng đồng chỉ mang tính chất chiến lược về quân sự.

Câu 15. Trong những sự kiện dưới đây sự kiện nào đánh dấu sự khởi sắc và hoạt động có hiệu quả của tổ chức ASEAN

A. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết năm 1989.

B. Hiệp ước Ba-li được kí kết năm 1976.

C. Việt Nam gia nhập vào tổ chức năm 1995.

D. 10 nước Đông Nam Á tham gia vào tổ chức năm 1999.

Bài 5.

Câu 1. Ý tưởng xây dựng cộng đồng ASEAN được khởi nguồn từ khi:

A. ASEAN thành lập năm 1967. **B.** Tất cả các nước Đông Nam Á ra nhập ASEAN.

C. Các nước kí hiệp ước Bali. **D.** Việt Nam ra nhập ASEAN.

Câu 2. Theo văn kiện "Tầm nhìn ASEAN năm 2020" cộng đồng ASEAN bao gồm

A. Năm nước sáng lập. **B.** Toàn bộ Đông Nam Á. **C.** Các nước châu Âu. **D.** Bốn nước sáng lập.

Câu 3. Văn kiện đầu tiên chính thức khẳng định ý tưởng thành lập cộng đồng ASEAN là

A. Tuyên bố Băng Cốc năm 1967. **B.** Tầm nhìn ASEAN 2020.

C. Hiệp ước Bali năm 1976. **D.** Hiến chương ASEAN năm 2003.

Câu 4. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN là

A. xây dựng một tổ chức hợp tác sâu rộng trên 3 trụ cột: Kinh tế- chính trị, văn hóa, xã hội.

B. xây dựng một tổ chức hợp tác sâu rộng trên 3 trụ cột: Kinh tế, Chính trị, văn hóa- lịch sử.

C. xây dựng một tổ chức hợp tác sâu rộng trên 3 trụ cột: Kinh tế, Chính trị-an ninh, văn hóa - xã hội.

D. xây dựng một tổ chức hợp tác sâu rộng trên 3 trụ cột: Kinh tế- xã hội, văn hóa – thể dục thể thao.

Câu 5. Cơ sở pháp lý để xây dựng mục tiêu của cộng đồng ASEAN là

A. Tuyên bố Băng Cốc năm 1967. **B.** Hiến chương ASEAN.

C. Hiệp ước Bali. **D.** Tầm nhìn ASEAN 2020.

Câu 6. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là gì?

A. Chính trị-an ninh,.

B. Kinh tế.

C. Kinh tế, chính trị- an ninh, văn hóa- xã hội.

D. Chính trị- an ninh, kinh tế- tiền tệ, văn hóa – xã hội.

Câu 7. Kế hoạch xây dựng cộng đồng ASEAN được nêu trong văn kiện nào?

A. Hiến chương ASEAN.

B. Hiệp ước thân thiện và hợp tác.

C. Tuyên bố Cuala- Lămpơ.

D. Lộ trình xây dựng cộng đồng ASEAN (2009-2015).

Câu 8. Cộng đồng ASEAN chính thức thành lập bởi

A. Tuyên bố Băng cốc năm 1967. **B.** Hiệp ước thân thiện và hợp tác năm 1976.

C. Tuyên bố Cuala- Lăm pơ năm 2015. **D.** Hiến chương ASEAN năm 2003.

Câu 9. Một trong những mục tiêu của cộng đồng ASEAN là

A. Đảm bảo hòa bình ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực.

B. Có trình độ phát triển kinh tế và khoa học kĩ thuật cao và hiện đại.

C. Có đồng tiền chung của khu vực.

D. Có nền quốc phòng mạnh với sự phát triển của vũ khí hạt nhân.

Câu 10. AEC là tên viết tắt của

A. Cộng đồng kinh tế ASEAN. **B.** Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN.

C. Cộng đồng văn hóa ASEAN. **D.** Cộng đồng Kinh tế - tiền tệ ASEAN.

Câu 11. Mục đích của Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (APSC)

A. Duy trì và tăng cường an ninh, hòa bình và ổn định, tăng khả năng tự bảo đảm an ninh khu vực.

B. Một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất.

C. Một khu vực có sức cạnh tranh, phát triển đồng đều.

D. Một khu vực hòa bình, ổn định và thịnh vượng.

Câu 12. Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN không bao gồm nội dung cơ bản nào sau đây?

A. Đảm bảo môi trường bền vững, tạo dựng bản sắc ASEAN.

B. Phát triển con người, đảm bảo phúc lợi và bảo hiểm xã hội.

C. Thu hẹp khoảng cách phát triển, xây dựng bình đẳng xã hội.

D. Hội nhập đầy đủ, sâu sắc vào nền kinh tế chung của toàn cầu.

Câu 13. Một trong những thách thức cơ bản đối với cộng đồng ASEAN là:

A. Sự đa dạng về chế độ chính trị.

B. Sự chệnh lệch về thu nhập và trình độ phát triển.

C. Sự ảnh hưởng của các nước lớn.

D. Sự tương đồng trong một số ngành nghề.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là thách thức của Cộng đồng ASEAN đến từ bên ngoài?

A. duy trì hòa bình, ổn định và an ninh khu vực.

B. tạo dựng được sự tin cậy và gắn kết giữa các nước thành viên.

C. thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các nước trong và ngoài Hiệp hội.

D. chế tạo thành công bom nguyên tử.

Bài 6+7+8+9

Câu 1. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

B. Buộc Pháp công nhận độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

C. Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hòa.

D. Góp phần vào chiến thắng chống chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. Các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của quân dân Việt Nam có điểm tương đồng nào sau đây?

A. Đánh bại kế hoạch Rơ-ve của Pháp. **B.** Củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

C. Giải phóng Tây Bắc, Trung Lào. **D.** Tiêu diệt bộ phận sinh lực địch.

Câu 3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi đã

A. đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

B. hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở ba nước Đông Dương.

C. thúc đẩy cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

D. làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Á.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa chiến thắng Việt Bắc thu - đông năm 1947 của quân dân Việt Nam?

A. Buộc Pháp phải điều chỉnh kế hoạch, tăng cường lực lượng cho Điện Biên Phủ.

B. Làm thất bại hoàn toàn kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp.

C. Quân ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava, xoay chuyển cục diện chiến tranh.

Câu 5. Tổ chức nào sau đây giữ vai trò đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh. **B.** Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương. **D.** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 6. Nội dung nào sau đây không phải là điều kiện bùng nổ của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Lực lượng cách mạng được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh.

B. Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.

C. Quân đồng minh đã vào Đông Dương để giải giáp phát xít Nhật.

D. Đảng Cộng sản và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng hành động.

Câu 7. Trong những năm 1969-1973, đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào sau đây ở miền Nam Việt Nam?

A. Chiến tranh đơn phương. **B.** Chiến tranh đặc biệt.

C. Việt Nam hóa chiến tranh. **D.** Chiến tranh cục bộ.

Câu 8. Trong tối hậu thư gửi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (19-12-1946), thực dân Pháp đã đưa ra đề nghị nào?

A. Giải tán các cơ quan, công sở của Chính phủ ta.

B. Giải tán cơ đảng phái đang hoạt động tại Hà Nội.

C. Quân Pháp đóng cơ quan Bộ Tài chính của ta.

D. Quân Pháp được làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự tại Hà Nội.

Câu 9. Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước từ tháng 12/1986 trong hoàn cảnh như thế nào?

A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã sụp đổ.

B. Tình hình thế giới có rất nhiều điểm thuận lợi.

C. Đất nước đang trên đà phát triển rất mạnh mẽ.

D. Đang lâm vào khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

Câu 10. Kết quả đạt được bước đầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam (1986 - 1990), trên thị trường loại hàng hóa nào dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi?

A. Công nghiệp. **B.** Nhập khẩu. **C.** Tiêu dùng. **D.** Xuất khẩu.

Câu 11. Một trong những nguyên nhân khách quan nào đã thúc đẩy Đảng và Nhà nước ta tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (12/1986)?

A. Sự ủng hộ từ phong trào cách mạng thế giới.

B. Các nước Đông Âu đều đã tiến hành đổi mới.

C. Cuộc khủng hoảng rất trầm trọng của Liên Xô.

D. Cải tổ ở Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu.

Câu 12. Ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam và đại diện của Chính phủ Pháp đã ký bản hiệp định nào sau đây?

A. Bàn Môn Điếm. **B.** Gio-ne-vo. **C.** Hiệp định Pa-ri. **D.** Hiệp định Sơ-bộ.

Câu 13. Một trong những thành tựu to lớn của các hoạt động đối ngoại đem lại cho Việt Nam từ năm 1986 đến nay là

A. sự ủng hộ, những viện trợ quân sự to lớn đến từ Nga.

B. vị thế, uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao.

C. đã có hơn mười nước là đối tác chiến lược toàn diện.

D. đang ứng cử ghế ủy viên thường trực Hội đồng bản an.

Câu 14. Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc trong giai đoạn 1975- 1985 là:

A. đàm phán giải quyết vấn đề xung đột biên giới.

B. hội nghị thượng đỉnh bàn về vấn đề của ASEAN.

C. đàm phán về việc khai thác chung nguồn khi đốt.

D. thương lượng để Trung Quốc tăng cường viện trợ.

Câu 15. Một trong những tổ chức cách mạng được Nguyễn Ái Quốc thành lập trong thời gian hoạt động ở nước ngoài là

A. hội Việt Nam cách mạng thanh niên (1925).

B. Đông Dương Cộng sản liên đoàn (1929).

C. mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh (1941).

D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (1944).

Câu 16. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) là bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam?

A. Kết thúc thời kỳ phát triển của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản.

B. Đưa giai cấp công nhân và nông dân lên nắm quyền lãnh đạo.

C. Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.

D. Chấm dứt tình trạng chia rẽ giữa các tổ chức chính trị ở Việt Nam.

Câu 17. Trong những năm 1954 - 1960, miền Bắc Việt Nam đã thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau, nhưng không có nhiệm vụ nào sau đây?

A. Xây dựng kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội.

C. Thực hiện khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

D. Hoàn thành việc cải cách ruộng đất để "người cày có ruộng".

Câu 18. Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1959) đã quyết định

A. tiến hành chiến tranh du kích, xây dựng các căn cứ địa.

B. phát lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn miền Nam.

C. để nhân dân nhân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng.

D. phái lực lượng ra miền Bắc chở vũ khí vào Nam đánh Mỹ.

Câu 19. Phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) ở miền Nam Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

B. Tiếp tục giữ vững và phát huy thế chủ động tiến công của cách mạng miền Nam.

C. Bắt đầu chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ sang giai đoạn "vừa đánh vừa đàm".

D. Buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 20. Ở Việt Nam, Cách mạng tháng Tám (1945) và phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) có điểm giống nhau là

A. có sự kết hợp giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

B. phát triển từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa.

C. phát triển từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng.

D. lực lượng vũ trang đóng vai trò quyết định thắng lợi.

Câu 21. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961-1965), quân dân miền Nam Việt Nam đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn bằng 3 mũi giáp công là

A. quân sự, chính trị, ngoại giao. **B.** quân sự, chính trị, binh vận.

C. quân sự, binh vận, ngoại giao. **D.** Quân sự, chính trị, thương lượng.

Câu 22. Chiến thắng nào đã bước đầu đánh bại chiến thuật quân sự "trực thăng vận", " thiết xa vận" của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 –1965)?

A. Chiến thắng Bình Giã. **B.** Chiến thắng Đồng Khởi. **C.** Chiến Thắng Vạn Tường. **D.** Chiến thắng Ấp Bắc.

Câu 23. Những chiến thắng nào làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) của Mỹ ở miền Nam Việt Nam?

A. An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài. **B.** Núi Thành, Ba Gia, Đồng Xoài.

C. Ba Gia, Đồng Xoài, Vạn Tường. **D.** An Lão, Ba Gia, Phước Long.

Câu 24. Thắng lợi nào của quân dân miền Nam Việt Nam đã mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965-1968)?

A. Vạn Tường. **B.** Ấp Bắc. **C.** Núi Thành. **D.** Bình Giã.

Câu 25. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975), cuộc chiến đấu nào của quân dân miền Nam Việt Nam đã buộc Mĩ phải "phi Mĩ hóa" chiến tranh xâm lược?

A. Trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972.

B. Phong trào "Đồng khởi" năm 1959 – 1960.

C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968.

D. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 26. Thắng lợi nào của quân dân miền Bắc Việt Nam được coi như trận "Điện Biên Phủ trên không"?

A. Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

B. Đánh thắng cuộc tập kích chiến lược đường không của Mĩ cuối năm 1972.

C. Thắng lợi của cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.

D. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

II. Câu hỏi Đúng – Sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây: Hội nghị Ianta diễn ra từ ngày 4 đến 11 tháng 2 năm 1945, với sự tham gia của Tổng thống Mỹ Franklin **D.** Roosevelt, Thủ tướng Anh Winston Churchill và nhà lãnh đạo Liên Xô Joseph Stalin. Hội nghị này nhằm mục đích thảo luận về việc tái cấu trúc châu Âu sau chiến tranh, các chiến lược quân sự chống lại phát xít Đức và Nhật Bản, cũng như việc thành lập Liên Hợp Quố.**c)** Một trong những quyết định quan trọng tại hội nghị là phân chia khu vực ảnh hưởng ở châu Âu giữa các cường quốc Đồng minh.

*Nguồn: "Hội nghị Ianta: Một cuộc họp lịch sử" - từ sách "Lịch sử Thế giới hiện đại" (Nx**b)** Giáo dục, 2020).*

a) Hội nghị Ianta được tổ chức khi Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc.

b) Tại Hội nghị Ianta, các lãnh đạo đã đồng ý thành lập Liên Hợp Quốc.

c) Một trong những mục tiêu chính của Hội nghị Ianta là thảo luận về tương lai của châu Á sau chiến tranh.

d) phân chia khu vực ảnh hưởng ở châu Âu giữa các cường quốc Đồng minh.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây: Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, Liên Xô và Mỹ trở thành hai siêu cường đối lập, dẫn đến thời kỳ Chiến tranh lạnh. Sự khác biệt về hệ tư tưởng (chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản) đã tạo ra căng thẳng, đặc biệt là trong các sự kiện như cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962, khi Liên Xô triển khai tên lửa hạt nhân ở Cub**a)** Cuộc khủng hoảng này đẩy thế giới đến gần bờ vực chiến tranh hạt nhân nhưng đã được giải quyết qua đàm phán.
*Nguồn: "Chiến tranh Lạnh: Cuộc đối đầu giữa Xô Viết và Mỹ" - từ sách "Lịch sử Thế giới hiện đại" (Nx**b)** Giáo dục, 2020).*

a) Sự đối đầu giữa Liên Xô và Mỹ diễn ra sau Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc.

b) Sự khác biệt về hệ tư tưởng là một trong nguyên nhân dẫn đến chiến tranh lạnh giữa Liên Xô và Mĩ.

c) Sự đối lập giữa hai siêu cường Xô – Mĩ chỉ diễn ra trên lĩnh vực quân sự.

d) Năm 1962, Xô – Mĩ đã xảy ra xung đột trực tiếp bằng quân sự.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây: "Trong tác phẩm "The Rise and Fall of the Great Powers" (Sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc), nhà sử học Mỹ - Pon Ken-nơ-đi đã nhấn mạnh, các nguồn lực kinh tế, sự phát triển khoa học - kỹ thuật, sức mạnh quân sự tạo nên sức mạnh tổng hợp của đất nước, quyết định vị trí quyền lực của đất nước trong cục diện thế giới. Sự phát triển hay suy thoái của các yếu tố này tạo nên sự hưng thịnh và suy vong không chỉ của các cường quốc mà cả các quốc gia khác trong một thế giới phức tạp, đan xen và phụ thuộc nhau.".
(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 18)

a) Thế giới sau chiến tranh lạnh nhấn mạnh việc xây dựng sức mạnh quốc gia tổng hợp.

b) Trong sức mạnh đó, kinh tế là trọng tâm trong cuộc chạy đua giữa các cường quốc.

c) Chạy đua vũ trang quyết định sự định hình của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh.

d) Chỉ các cường quốc mới có điều kiện vươn lên xây dựng sức mạnh quốc gia tổng hợp.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây: "Mặc dù sau Chiến tranh lạnh, hoà bình trên thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi nhưng xung đột, tranh chấp và nội chiến vẫn diễn ra ở nhiều khu vực như bán đảo Ban-căng, châu Phi, Trung Á,... Cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ ngày 11 - 9 2001 đã dẫn đến những biến động to lớn trong quan hệ quốc tế kéo dài hơn hai thập kỷ qu**a)** Các quốc gia trên thế giới đều chịu tác động của những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống, buộc phải đứng trước xu thế hợp tác quốc tế, nhằm giữ vững an ninh quốc gia và đảm bảo an ninh con người.".
(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 19)

a) Sau Chiến tranh lạnh, xu thế chủ đạo của thế giới là hòa bình, ổn định, hợp tác.

b) Chủ nghĩa khủng bố đã gây ra những biến động to lớn trong quan hệ quốc tế.

c) Để đảm bảo an ninh quốc gia, các nước cần tham gia cuộc chiến chống khủng bố.

d) Hợp tác quốc tế ngày nay có mục tiêu lớn nhất là chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Câu 5. Cho những thông tin trong bảng sau đây:

Thời gian	Sự kiện
8 – 1967	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan).
2 – 1976	Hiệp ước Ba-li được kí kết, đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt của tổ chức ASEAN.
1976 – 1999	Mở rộng thành viên từ ASEAN 5 lên ASEAN 10, từng bước nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế.
1999 – 2015	Tổ chức ASEAN hoàn thiện cơ cấu, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối. Năm 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua.
2015 – nay	Cộng đồng ASEAN được xây dựng và phát triển với ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.

a) Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong bối cảnh xu thế liên kết khu vực trên thế giới đang xuất hiện và phát triển.

b) Việt Nam gia nhập ASEAN (7 - 1995) đánh dấu bước bước phát triển nhảy vọt của quá trình thống nhất, hòa nhập và phát triển của tổ chức.

c) Mục tiêu tổng quát của tổ chức ASEAN khi mới thành lập là xây dựng thành một tổ chức hợp tác liên chính phủ, trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.

d) Mục đích thành lập của ASEAN nhằm thúc đẩy hợp tác, tích cực giúp đỡ nhau về kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học, kĩ thuật, hành chính.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây: "Trong quá trình tìm kiếm sự hợp tác giữa các nước Đông Nam Á đã xuất hiện những tổ chức khu vực và kí kết các hiệp ước giữa các nước trong khu vực**)** Tháng 1-1959, hiệp ước hữu nghị và kinh tế Đông Nam Á (SAFET) bao gồm Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin ra đời. Tháng 7-1961, Hội Đông Nam Á (ASA) gồm Ma-lai- xi-a, Phi-lip-pin và Thái Lan thành lập. Tháng 8-1963, một tổ chức gồm Ma-lai-xi-a, Phi- lip-pin, In-đô-nê-xi- a (MAPHINDO) được thành lập. Tuy nhiên, những tổ chức trên đây không tồn tại được lâu do sự bất đồng giữa các nước về lãnh thổ và chủ quyền.”..

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.358)

a) Thái Lan, In-đô-nê-xi-a là những quốc gia đầu tiên có ý tưởng về việc thành lập một tổ chức khu vực ở Đông Nam Á.

b) Yếu tố quan trọng trong quá trình hợp tác giữa các quốc gia Đông Nam Á là các nước phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và lãnh thổ của nhau.

c) Trong bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều biến động, tìm kiếm sự hợp tác để cùng phát triển giữa các nước trong khu vực là yêu cầu tất yếu.

d) Các tổ chức tiền thân của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á không tồn tại được lâu là do không thống nhất được với nhau trong quá trình sản xuất.

Câu 7. Cho bảng dữ kiện về Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam:

Thời gian	Sự kiện
15-8-1945	Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
Từ 19 đến 25-8-1945	cuộc Tổng khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam đã giành thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
28-8-1945	Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi trong cả nước.
30-8-1945	vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
2-9-1945	tại Quảng trường Ba Đình, thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

a) Bảng dữ liệu trên đề cập đến diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.

b) Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

c) Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã góp phần thúc đẩy cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai nhanh chóng kết thúc.

d) Sự thắng lợi của quân Đồng minh trước phát xít Nhật đã tác động tích cực đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây: “Bên cạnh việc đổi mới về tư duy kinh tế là đổi mới về chính trị. Đại hội VI (12-1986) nhấn mạnh đến việc đổi mới về chính trị phải được tiến hành tích cực và vững chắc để không gây mất ổn định về chính trị và làm phương hại đến toàn bộ công cuộc đổi mới. Trong việc đổi mới về chính trị, Đảng phải chú trọng đến các vấn đề như, dân chủ hóa xã hội, “lấy dân làm gốc”, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng theo phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”…” Nguyễn Ngọc Mão (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, tập 15, NX**B.** Khoa học xã hội 2017, tr. 38

a) Nội dung của công cuộc đổi mới là toàn diện, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

b) Đại hội Đảng lần thứ VI đã làm thay đổi đáng kể cơ cấu các ngành trong nền kinh tế của Việt Nam.

c) Đường lối đổi mới năm 1986 ở Việt Nam là quá trình thử nghiệm, trong quá trình đó cái mới và cái cũ xen kẻ nhau.

d) Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới là nhanh chóng đưa Việt Nam trở thành cường quốc công nghiệp.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây: Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã xây dựng công trình tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh với những hình thức khác nhau: thủ đô Mát-xcơ-va, các thành phố U-li-a-nốp-xcơ, Xanh-Pê-téc-bua và nhiều nơi khác ở Liên bang Nga có quảng trường, tượng đài, nhà lưu niệm... mang tên Hồ Chí Minh; thủ đô Mê- hi-cô (Mê-hi-cô) có tượng đài Hồ Chí Minh cùng dòng chữ "Tự do cho các dân tộc"; thủ đô của các nước (Cu ba, Mô-dăm-bích, Ang-gô-l**a)** và nhiều nơi khác có tượng đài hoặc đường phố mang tên Hồ Chí Minh,..

a) Tư liệu nói về sự ghi nhận của nhân dân thế giới với sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

b) Tất cả các nước trên thế giới đều có công trình tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.

c) Tại một số nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tưởng cho sự tự do của các dân tộc.

d) Công trình tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ xây dựng ở nơi Người hoạt động.

Câu 10. Cho đoạn tư liệu sau đây: "Ngày 1/4/1975, Bộ Chính trị nhận định: Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ "một ngày bằng hai mươi năm". Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi Chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động "thần tốc, táo bạo, bất ngờ".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 36, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.95)

a) Đoạn tư liệu trên đề cập đến nhận định của Đảng về thời cơ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Nam.

b) Thắng lợi của chiến dịch Tây nguyên và chiến dịch Huế - Đà Nẵng là một trong những cơ sở thực tiễn để Bộ Chính trị xác định hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam.

c) Bài học về nắm vững thời cơ chiến lược trong năm 1975 đã được Đảng ta kế thừa và phát huy ở các giai đoạn sau của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

d) Tháng 4 năm 1975, Đảng Lao động Việt Nam quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược để tận dụng triệt để thời cơ, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây: "Trong bối cảnh đó, tháng 1 – 1959, Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được tiến hành tại Hà Nội. Hội nghị phân tích đặc điểm tình hình mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của xã hội miền Nam từ sau kháng chiến chống Pháp kết thú**c)** Hội nghị chỉ rõ: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạng của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân".".

(Lê Mậu Hãn (Chủ biên), Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 3, NXB Giáo dục, tr.165)

a) Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam diễn ra vào tháng 1 – 1959, tại Hà Hội.

b) Phương pháp cách mạng của nhân dân miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm.

c) Phương thức đấu tranh cơ bản của cách mạng miền Nam là đấu tranh chính trị là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang.

d) Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là đánh đổ quyền thống trị của đế quốc, tư sản dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau: "Thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam đã đập tan mưu đồ thâm độc của tập đoàn Pol Pot-Ieng Sary, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi bờ vực của thảm họa diệt chủng; chặn đứng âm mưu chia rẽ truyền thống đoàn kết lâu đời của ba nước Đông Dương, góp phần giữ vững hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á và trên thế giới; tạo điều kiện khôi phục lại tình hữu nghị và tình đoàn kết chiến đấu giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam-Campuchia."

(Trích bài viết cuả Thiếu tướng, Tiến sỹ Nguyễn Hoàng Nhiên - Đăng trên báo Nhân dân điện tử, Ngày 7/1/2024. https://www.nhandan.vn).

a) Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam nhân dân Việt Nam đã làm thất bại âm mưu của tập đoàn Pôn pốt, Iêng xa ri.

b) Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam đã thể hiện tình đoàn kết cao cả của nhân dân Việt Nam với nhân dân Campuchia.

c) Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam chống lại hành động xâm lược, phá hoại của chính quyền Bắc Kinh.

d) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam đã để lại bài học về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và tăng cường hợp tác quốc tế.